

VIÊN - ÂM NGUYỆT - SAN

音 圖



**Nam-mô Bồ-như Thích-Ca**

**Mâu-Ni Phật**

**Tác đại chứng minh**

**VIÊN - ÂM NGUYỆT - SAN**

*Tạp-chí chuyên-chú về đạo Phật do Annam Phật-Học hội*

*(S. E. E. R. B. A) xuất bản*

Chủ nhiệm : Hội-trưởng hội Annam Phật-Học :

**S. E. ỨNG-BÀNG**

Chủ-bút : Giáo-lý kiêm-duyet : Ông **LÊ-ĐÌNH-THẨM**.

Thơ-từ bài-vở, xin gửi cho :

**Annam Phật-học hội Tổng-trị-sự**

Boite postale N° 73 Huế.

Ngân-phiếu trả tiền báo, xin đề tên :

**Ông Phạm-văn-Vi Phanrang**

Giá báo : 12 số = 2\$00 ; 6 số = 1\$10 ; mỗi số = 0\$20

Hội-viên hội Annam Phật-học muốn hưởng 25%, xin  
do các Hội-trưởng tỉnh hội gửi mua.

Các Ngài muốn khảo-cứu triết-lý của đạo Phật.

Các Ngài muốn biết rõ tâm-tánh của mình.

Các Ngài muốn biết con đường tu-hành cho đến chỗ  
hoàn-toàn.

Hãy luôn luôn đọc :

**Viên-âm Nguyệt-san**

# SỰ THẬT

Nếu phải tìm một lối giải gọn-găng, ngắn-ngủi, tôi không ngần-ngại bảo rằng : sự thật là sự thật.

Biết tìm đâu một câu trả-lời thỏa đáng hơn ?

Có kẻ bảo : sự thật là cái này ; sự thật là cái kia ; lại có người táo - tợn hơn, tự xưng thần-thánh và nhận mình làm sự thật.

Cái ấy là sự thật, ông là sự thật, thì những cái khác, những người khác lẽ nào lại không thể là sự thật, hay ít nữa lại không có một tí gì là thật ? Nếu thế ngoài ông ra, cái gì cũng giả-dối, rồi cuộc chỉ mình ông là thật, thành thử ông cũng chẳng thật một chút nào.

Sự thật vốn bao trùm tất cả và ở trong tất cả : ta không thể nêu sự thật ra như ta chỉ và gọi một vật hữu hình. Muốn định nghĩa rạch-rõ hơn, ta phải nói giông - dài quanh co rằng vũ-trụ hữu-chất và vô-chất có một lẽ cuối cùng, tuyệt-đối, một lẽ thật : cái lẽ ấy mà hiện nay ta chưa biết rõ, ta gọi là sự thật.

Nói thế tức nói là sự thật có. Anh có, tôi có, mọi sự mọi vật đều có, làm sao sự thật lại không có ? Câu « không có sự thật » là một câu vô-nghĩa : sự thật mà không có thì còn có thể có một thứ gì được ? Vả, nếu thật « sự thật » không có, cái sự « không có sự thật » ấy cũng

đủ là sự thật rồi.

Đâu đâu cũng có sự thật vì mỗi vật đều có cái « thật » của vật ấy. Tất cả các « cái thật » ấy tức là sự thật. Nói đúng hơn vạn sự vạn vật là sự thật vì bản tánh của vạn sự vạn vật vốn duy nhất, không thay-đổi. Sự vật có dáng giả dối chẳng, cũng chỉ do quan-niệm sai-lạc của kẻ nhận-xát, quan-niệm sai-lạc của loài người.

Cho nên, muốn chứng nhận sự thật, ta phải phá *nơi ta* tất cả những cái gì giả dối, những cái gì sai-lạc. Trừ các mê chấp tức là giác ngộ, tức là tìm được sự thật.

Tìm sự thật là mục-đích tối cao của đời người. Ông Henri Poincaré cho những mục-đích khác là phụ-thuộc, chẳng hạn mục-đích giảm bớt nỗi đau khổ của nhân-loại. Theo ý nhà khoa-học trứ danh ấy, giảm bớt đau khổ, làm cho cuộc sinh hoạt bớt khó khăn là cốt để cho người đủ thi-giờ, đủ tự do để tìm-tòi và chiêm ngưỡng sự thật ; « nếu không, muốn trừ đau khổ của đời sống, ta chỉ có việc dừng sống là giản-dị và hiệu-nghiệm hơn cả ». Lời ấy có quá đáng, vì chính sự đau khổ là một động-lực xúc dục ta gần tìm sự thực, mà tìm được sự thật, tức là dứt đau khổ một cách triệt-đề, vì lúc ấy ta biết đau khổ thật là gì nên đau khổ, *đối với ta*, không còn là đau khổ nữa.

Vì ta không biết tất cả là sự thật nên đi tìm sự thật : vậy công-việc ấy phải là công-việc

riêng của mỗi người. Không có một sức mạnh gì ngoài ta có thể thay-thế ta để chứng sự thật được. Tuy thế ta phải nương vào kinh - nghiệm của tiền nhân, ta phải nhìn những quãng đường người trước đã theo để đi đến sự thật. Kết quả của công-phu họ sẽ tránh cho ta nhiều nỗi khó khăn.

Đức Phật Thích - Ca đã tìm sự thật và đã chứng sự thật một cách rõ ràng. Phật giáo gồm tất cả những phương-pháp đưa người đến sự thật. Phật-tử là người dùng các phương-pháp ấy. Vì sao ta lại tin Phật và theo pháp Phật, đây là đầu đề chúng tôi sẽ lần lượt giải-bày.

**NGÔ-ĐIỀN**

trong đoàn Phật-Học Đức-Dục

# CHO'N - NHU'

---

Chơn-như là đặc-điểm của đại - thừa Phật-giáo. Do chơn-như mới có ngộ, có mê; do chơn-như mới có chúng-sanh, có Phật. Vậy chơn-như là gì? - Hàng Phật - tử ai lại không muốn biết.

Mật-tôn theo diệu-dụng của chơn - như mà đưa lẫn đến trực-ngộ chơn-như, cái lẽ tất-nhiên là ít bản - giải đến chơn - như. Thuyền-tôn quán thẳng tâm-tánh mà trực-ngộ chơn-như, không lập văn-tự, lại càng ít bản-giải đến chơn-như; chớ ngoài hai tôn đó, những tôn theo giáo-pháp mà tu-trì, quyết-định cần phải nhận rõ chơn-như, mới có thể thẳng đường bước tới, khỏi các sự lăm-lạc.

Đại-thừa kinh điển thường nói đến chơn-như, lịch đại tổ-sur thường khai-thị đến chơn-như mà chơn-như thế nào đã mấy ai nhận rõ.

Chơn thì không giả-dối, như thì không thay đổi, đó là nghĩa đen của hai chữ chơn-như. Ngoài cái nghĩa đen ấy còn biết nói gì nữa.

Nói rằng chơn-như có hay biết, hay không hay biết, thì nơi bản-giác chơn-như nếu động đến chữ có thì không khác đặt thêm một cái đầu nữa trên cái đầu mình; động đến chữ có còn không được thì động đến chữ không lại càng không được nữa.

Nói rằng chơn-như là Phật chăng? là chúng-sanh chăng? - Thì chơn như Phật và chúng-sanh vẫn đủ, nơi đó không còn danh - hiệu Phật và

chúng-sanh.

Vậy chơn-như là một thứ nguyên chất chẳng ? hay các thứ nguyên chất hiệp lại mà thành chẳng ? - Thì chơn-như là bản-nguyên của các nguyên chất, nhưng cũng không phải là thể-chất của các nguyên-chất.

Vậy chơn-như là một cái hỗn-độn không tự-thể chẳng ? - Thì chơn-như rõ-ràng trong-suốt không thể gọi rằng không tự-thể.

Nói rằng chơn-như có tướng chẳng ? không tướng chẳng ? - Thì chơn-như cùng khắp hư-không không còn đem cái gì mà thấy.

Nói rằng chơn-như tự-nhiên mà có chẳng ? - Thì chơn-như xưa nay hằng thường cùng khắp không chỉ là tự-nhiên.

Nói rằng chơn-như không nhơn mà tự sanh chẳng ? - Thì bản-lai chơn-như là vô-sanh do đâu mà thấy có sanh.

Hỏi rằng sao chơn-như không giữ tự-tánh mà phát sanh ra có thế-giới chúng-sanh ? - Thì câu « chơn-như không giữ tự-tánh ấy » chỉ đứng về phương diện mê ngộ mà nói, chỉ muốn nói tâm-thức phân biệt sai lầm che lấp tự-tánh đến nỗi hiện ra thế-giới, chúng-sanh như huyền như hóa. Tự-tánh chơn-như không có chi ngoài, không hề lay động ; chỉ vì tâm-thức phân biệt mê lầm hiện các ảnh-tượng như người lạc đường nhận phương nam làm phương bắc mà thôi.

Chúng-sanh nhơn mê lầm mà phát ra những

hành vi mê lầm, gây nghiệp nhơn rồi chịu quả báo như người đi lạc chạy ngược, chạy xuôi biết đâu là đường chánh, nên Phật, một vị nhận biết con đường đứng-đắn; phải vạch rõ con đường thẳng cho chúng-sanh đi theo, đến khi nhận rõ phương hướng rồi, thì mới biết phương hướng xưa nay vẫn vậy, chẳng vì mê ngộ mà có thêm có bớt. Ví như thái-hư, mặc dầu hoa đóm biến-hiện, chơn-như mặc dầu các tướng như huyễn như hóa biến-hiện mà không hề thay đổi. Thế-tánh của chơn-như tuy không có các tướng : trong ngoài, mê ngộ, tâm-thức, cảnh-giới, nhưng tác-dụng của chơn-như vẫn đủ các tướng ấy. Tâm thức cũng là một tác - dụng của chơn-như, nên tuy về phương diện mê ngộ thì có chúng - sanh có Phật, nhưng đối với bản-thể chơn-như vẫn bình-đẳng. bình-đẳng không có gì lấ mê ngộ thì còn gì là Phật, là chúng - sanh. Nếu có người hỏi : nơi bản - thể chơn - như đã không có mê ngộ thì còn tu thành Phật mà làm gì ? - Ta nên đáp : phương hướng không thay đổi, nhưng những kẻ lầm đường cần phải nhận đúng phương hướng ; chơn-như không mê ngộ, nhưng có hết mê mới nhận được chơn-như, chớ dầu nói đến đâu, dầu nghĩ đến đâu cũng chưa hề miêu tả được thế nào là chơn-như.

**TÂM-MINH**

# KHEN, CHÊ

## 1) ẢNH-HƯỞNG CỦA LỜI KHEN CHÊ

Lúc chúng ta còn bé nhỏ, lúc tâm - hồn ta còn ngây-thơ, giản - dị, cha mẹ đối với ta là hai người kiểu-mẫu, là tất cả ; muốn có cái gì ta xin cha mẹ ; muốn biết cái gì ta thưa cha mẹ ; những sự săn sóc tận tâm của cha mẹ làm cho ta mơ-màng hiểu cha mẹ thương ta nhất ; những sự kính - nể của người xung-quanh làm cho ta mơ-màng biết cha mẹ ta là bậc tôn-quí. Cha mẹ có quyền thưởng phạt tuyệt-đối, cái chi cha mẹ khen bảo làm, là phải, cái chi cha mẹ ngăn, chê, là trái. Sự phải trái phân-minh như thế, nên lúc đưa bé làm một việc gì, nó nhìn cha mẹ nó dễ nhận một nụ cười hay một nét nhăn. Cha mẹ cười, em bé cười và chơi già. Cha mẹ cau mày, em bé dự-dự và muốn bỏ cách chơi ấy.

Nhưng . . . . độ năm bảy tuổi trở lên, lúc nó đã biết rõ thêm muốn của nó, lúc trí trẻ bắt đầu biết quan-sát, xét-đoán, nó nhận được đôi chỗ sơ-suất yếu - đuối của cha mẹ, thế là nó bắt đầu mất lòng tin, sự phải sự trái không còn giản-dị như trước ; đều chi cha mẹ khen mà trái với sự thêm muốn của nó, nó dự-dự và phân-vấn ; lúc nào cha mẹ khen em nó ngoan hơn nó, nó đã có vẻ nghi-ngờ. Thế là tâm-hồn chúng không còn giản-dị như trước. Và thời kỳ ấy - lúc nó bắt đầu nghi-ngờ lời phán-đoán của cha mẹ, - có lẽ là thời - kỳ nó khóc nhiều, bị đánh nhiều và bực-tức nhiều hơn lúc nào cả. Và chính lúc này, nếu cha mẹ biết rõ tâm-lý trẻ như thế, biết giữ gìn ngôn-ngữ cử-chỉ, biết khéo dùng lời khen chê, sẽ ảnh-hưởng rất tốt đến trẻ.

Lại lúc này lòng tự-ái đã thấy nảy-nở một cách rõ rệt ; nó biết buồn tức vì lời chê, mừng, vui vì lời khen, nó lại đã biết cạnh-tranh với chung quanh nó.

Đấy, lòng tự-ái đã rõ rệt trong tâm-tri người lúc còn hơi sữa, người ta quả là con vật tự-ái. Tự-ái, nên em bé thường tự thấy bị chê oan, vì nếu lời khen không đúng lắm, chúng cứ vui vẻ nhận, và cũng tạm cho là đúng đi; chờ lời chê thì lúc nào chúng cũng thấy nó là bất-công cả. Trong lúc bị chê, thế nào chúng cũng tìm được đủ lý-lẽ để tự bênh vực, và tìm thấy rõ các duyên cớ để nghi các người khác chê lắm.

Phải, chị chê ta, vì chị yêu em ta hơn; thầy ghét ta vì ta hay cãi thầy, và đối với mình những lời phỏng-đoán ấy hóa ra những lý nhất-định đúng! những chơn-lý.

Đối với các bậc trên, ta còn có ý-nghĩ như thế; huống chi đối với các người ngang hàng, bao giờ họ chê ta cũng vì họ kiêu-ngạo họ ganh ghét ta, hoặc hơn nữa họ ngu si không biết ta chút nào!

Nào phải chỉ chỉ trỏ thơ đối với lời khen chê như thế, chính chúng ta, nếu còn lòng tự-ái, thì cũng vẫn có những ý nghĩ như thế.

## 2) TÂM-LÝ NGƯỜI KHEN, CHÊ

Xét rõ tâm-lý người đời quá tự-ái như thế, cho nên tác-giả quyển « Comment se faire des amis » đã khuyên người ta, muốn được lòng mọi người, muốn được mọi người yêu, muốn được nhiều bạn, hãy luôn luôn kiếm cách khen nhiều hơn chê.

Tác-giả thật là một nhà tâm-lý thám-thúy, phương pháp của tác-giả thật huyền-diệu; nhưng tiếc thay, theo như các tỷ-dụ tác-giả đã trưng ra, thì theo phương-pháp ấy rất lợi cho mình, nhất là về tiền-tài, danh-vọng; một lời dịu ngọt không mất gì, một lời khen không mất gì mà có thể đem về cho ta hàng vạn dollars, và làm cho công-việc ta được dễ dàng là khác! Phải chăng cái không-khí « buôn bán » ở

xứ Mỹ đã ảnh-hưởng đến tác-giã và làm cho tác-giã phải phương-liện trung-dân một cách chân-chương, các tỷ-dụ bản-liện trong quyển sách có tên đẹp là « Làm thế nào mà có bạn » !

Nhưng dầu thế nào chúng ta cũng phải nhận đều tác-giã nói là đúng và hơn đó hiểu được tâm lý một hạng người khéo dùng lời khen để trục lợi.

Tóm lại, hề người ta chê mình là vì người ta xấu, hề người ta khen mình vì muốn lợi dụng mình ! có lẽ đâu người lại tệ đến thế !

Nhưng, dầu người không đến nỗi tệ thế, bao giờ chúng ta hơi biết suy-nghĩ, cũng thấy các lời khen chê rất đáng ngờ, vì người ta nào có ai rồi-rảnh, để chuyên môn dò xét mình một cách kỹ-càng hoặc nghiên-cứu rõ phương-diện của mình, trường-hợp của mình để khen chê cho đúng đâu ! Người ta còn biết bao công việc, phải đâu chỉ sống để để ý đến mình, vì thế lắm lúc lời khen chê nóng nổi lạ ; và làm cho nhiều người đến rồi óc :

Ngày xưa Cụ La Fontaine kể chuyện lại, có một Cụ già và một cậu con trai 15 tuổi đem lừa ra chợ bán, muốn dưỡng sức cho lừa, 2 cha con trói lừa lại, treo lên đòn gánh mà gánh.

Người đầu tiên gặp bộ ba kỳ-dị ấy cười vỡ-bụng và chế : Các người làm trò gì thế ! thật không biết trong bộ ba này ai là lừa.

Người cha biết mình gàn, mở lừa ra, bảo con cười lên, và mình đi theo sau.

Lúc ấy gặp mấy người thương-mãi đi qua, thấy thế không thích, người lớn tuổi nhất trong bọn nói to : « Ê ! thằng nhãi con kia, sao để Cụ già đi hầu mày thế, chường lắm, xuống ngay đi, đợi gì người ta bảo ! » Thế là cậu nhỏ trèo xuống, Cụ già trèo lên.

Sau một lúc, có ba cô gái to đi đến, họ bàn-tán :

« Thiệt kỳ, con thì nhỏ mà bắt lẻo đẻo theo sau, còn mình thì ngồi chễm-chệ trên lưng lừa ! thế chớ cụt tướng đúng lý lắm đấy ! »

Cụ già gắt : « Cút ! mãi chĩ đến các chĩ, ta bạc đầu mà còn đại lắm a ! »

Nhưng lời qua tiếng về nhiều lượt, cụ già cũng hóa phân-vân, nghĩ thầm có lẽ mình sai, bảo con leo lên ngồi sau lưng.

Đi được một khoăn lại gặp một bọn bão :

« Các người điên ư ! cả 2 người mà thượng lên lưng lừa như thế thì còn gì nó, định đem ra chợ bán da nó ư ! »

Cụ già nghĩ : « Thật điên óc ! biết làm sao cho vừa lòng mọi người, nhưng thôi ta cũng gặng xem thử ».

Hai cha con trèo xuống, thả lừa đi trước, thong dong.

Một người thấy thế bảo : « Mốt mới thiệt, lừa để đi không, còn người cuốc bộ, có lừa để mà dưỡng sức nó ư ? »

Cụ già cau : « Ta ngu thiệt đấy, nhưng mà từ nay, dầu ai chê, dầu ai khen, hay người ta chẳng nói gì, ta cũng không cần, ta làm theo ý ta ».

Đấy, ở đời, người ta phê-bình một cách nông-nổi như thế, chê khen theo clồ hay biết của mình, theo phương-dện mình thôi Nhưng đến lúc biết khôn như Cụ già, thì cũng đã khôn-khổ với họ lắm rồi.

Nhưng làm theo ý mình, đó phải chăng là một lối giải quyết thỏa-đáng ? làm theo ý mình, phải chăng là một điều có thể thực hành dễ, hay đó thường chĩ là một cách giải-quyết liều sau khi đã chán-rãn ?

Chúng ta cũng thường ở vào tình cảnh cụ già

bán lửa. Giữa đời nếu ta được người này khen tất bị người khác chê ; lại có đều người này chê mà người khác khen, thiệt là mâu-thuẫn ! làm thế nào cho vẹn toàn, làm thế nào để đừng ai chê, đừng phiền lòng ai cả ?

Trong lúc làng xóm ta khen ta được cừu-phẩm, làm rạng rỡ gia-môn, các bạn ta lại chê ta chuồng hư-danh, trong lúc người nhà khen ta tài-giỏi, kinh-dinh lành lợi, làm nên giàu có ; thì người ngoài chê ta « bóp thắt dân nghèo » ; trong lúc dân nghèo khen ta « bác-ái », thì bọn khác chê ta ngu dại không biết trọn hưởng lạc thú ở đời.. làm thế nào mà dung-hòa tất cả ? và có thể dung-hòa được chăng, hay dung-hòa chỉ là một điều vô-nghĩa, một mộng-tưởng ?

Lại xét giữa đời, cũng như trong chuyện bán lửa, ta thấy rõ tâm-lý người sẵn lòng chê hơn khen ; đều ấy cũng không chỉ lạ ; ai cũng quá tự-dĩ, ai cũng cho ý-nghĩ mình là đúng, hễ người nào trái ý mình là chê ! thật quá giằn-dị ; người khen chê đã hẹp hòi như thế ; mà mấy ai có biết, vẫn khó chịu, vẫn bức-tức với lời chê ; nên lắm lúc đã nổi sân-si mà muốn liều làm theo ý mình ! Nhưng lối giải-quyết trong cơn sân-hận đầu phải là lối giải-quyết sáng suốt đứng đắn.

### 3.) ĐỐI-PHÓ VỚI LỜI KHEN CHÊ

« Làm theo ý mình » ai chả muốn, nhưng nghĩ thế chớ mấy ai làm được !

Giữa đời, sự liên-lạc mật-thiết đến nỗi không có một màu sắc tự - tưởng gì của ta không chịu ảnh-hưởng chung-quanh, những người tự-hao có thể làm theo ý mình, thật nếu không phải là quá tự-phu, tất cũng tự-dối mình, hoặc là chưa hề xét mình kỹ.

Hay « làm theo ý mình » nghĩa là phải luôn luôn

tự kiểm-sát để tự khen chê một cách đúng đắn ?

Mình lúc nào cũng mong làm lợi cho mình, lẽ đó rõ-ràng, dĩ-nhiên nhưng như trên đã nói, mình thường thương mình quá, nên mới muốn người khen, ít muốn chê, nên mình đối với mình, cũng ít thấy tật xấu, chỉ thấy tánh tốt. Điều ấy thông thường đến nỗi người ta đã tự chê lẫn nhau: « thấy bụi trong mắt người, mà không thấy xà-nhà trong mắt mình ». Đã quá khen mình, thì dầu thiệt muốn ích cho mình, cũng khó đủ tri sáng suốt mà tự tìm được điều thiệt-ích cho mình !

Vả lại, nói « khen, chê cho đúng ! » nhưng bằng vào đâu mà khen chê chứ ! khen là vì tốt, chê là vì xấu, mà đã nói tốt, nói xấu, nghĩa là phải so-sánh với một cái gì chứ !

Nếu « cái gì » ấy mà chưa tìm được, thì làm sao khen chê !

Hay là hãy nghe lời các bậc hiền-triết dạy: « hay tĩnh-tâm, hay thành-thực lắng tai nghe một cách vô tư lời của lương-tâm mình phán-đoán, lời ấy không bao giờ dối mình ».

Nhưng, cái lương-tâm của nhà hiền-triết khác với lương-tâm người thường lắm ! và lại làm cho « tĩnh-tâm », « phải thành-thực lắng nghe », điều ấy không phải dễ !

Cái lương-tâm của tôi lúc 10 tuổi chắc nó không có những lời khen chê rõ-ràng và đông-giải như bây giờ ; vả lại trong lúc lắng tai nghe đó, những người còn mê-mờ như ta chắc chỉ sẽ nghe được tiếng của lương-tâm, hay ta sẽ nghe những tiếng dẫn-dạ của chung-quanh ? và một khi ta còn thêm muốn, thì ta sẽ nghe những lời thuận với sự thêm muốn của ta, hay sẽ nghe các lời chính-đáng ?

Xem thế, chúng ta luôn luôn khen chê, và luôn luôn bị khen chê.

thế nào là đúng ; nên khen chê thế nào, và nên đối-phó với lời khen chê thế nào.

Lúc ta còn bé, mỗi khi phân-vấn, không tìm ra lẽ phải, tất ta sẽ hỏi cha, mẹ, thầy ta, vì ta biết các ngài biết rộng hơn, và bao giờ cũng muốn sự ích-lợi cho ta !

Nhưng bây giờ ?

Phải chi ta sống nhằm đời Đức Phật Giác-sanh, thì phước đức biết bao !

Ngài là bậc đã ly-dục hoàn-toàn, sắc đẹp không màn, giàu sang phú-quý đến ngôi Vua cũng chẳng thiết đối với người mắng chửi, vẫn vui-vẻ giầy vẽ như đối với kẻ thành-tâm cúng dường ! Ngài lại là bậc đã chứng-ngộ pháp giới-tánh biết rõ lẽ tuyệt-đối đối-đãi, cho nên không hề chấp-chước một sở-tri gì. Một vị đã có sức biết thoát-ly tất cả phương-diện đối-đãi, biết một cách triệt-để như thế, lẽ nào không giải-quyết được các đều phân-vấn còn con của ta ! Một bậc đã hoàn-toàn ly-dục như thế lẽ nào không phải vì lợi ích của chúng-sanh mà tuyên-truyền chánh-lý !

Nhưng hình hài Phật tuy không còn hiển-hiện, mà tư-tướng Phật còn vang-động thì đối với người thành-tâm cầu Phật, Phật hẳn hiện-liên.

Một người dân quê Ấn-độ đầu gối trước Ngài Narada và nghe ngài thuyết-pháp đã chắc chi được lợi-ích bằng nhà thông-thái Pháp ở Paris nghe trong ống truyền-thanh vô-tuyến-diện, hoặc kẻ thục-giã Tàu đọc lại bài thuyết-pháp ấy chép trong sách.

Phật pháp là lời Phật dạy, nếu ta cố ý tìm trong ấy những lời dạy, nghe theo và áp-dụng, thời tất được nhiều ích lợi.

Vậy muốn tìm những lời khen chê đúng, ta chỉ có thể tìm trong lời các bậc « Giác-Ngộ » tức là Phật.

Như Phật dạy « đừng tham » ; « đừng giận » ; « đừng kiêu » ; « nên trừ các điều mê-lắm » (là nhận có thân thiết, cảnh thiết mà quá tham-luyến gây ác-nghiệp, chịu khổ quả).

Còn gì ích cho ta hơn, không tham thì khỏi xố-xát với mọi người, với hoàn-cảnh ; không giận thì khỏi sống với những tưởng-tượng ác-nghiệp của mình và tự đốt cháy gan ruột mình ; không kiêu thì gây được hòa khí êm dịu ; không si mê thì biết rõ lý tuyệt-đối đối-dãi mà được tự-tại giải-thoát.

Vậy, muốn khỏi phân-vân vì lời khen-chê điên-đảo của chúng-sanh, muốn khỏi bị lời khen-chê xăn-xiên làm cho lẫn-lóc khốn-khổ, chúng ta phải thành-tâm nghe lời khuyên ngăn của Phật.

Các vị Đệ-tử chơn-chánh của Phật đã quy-y Phật thì chỉ tin Phật, nghe Phật, cử-động gì đều được muôn vạn người khen mà tự xét trái với lời Phật dạy, thì cũng tự chê ; cử-động gì đúng với lời Phật dạy thì đều muôn vạn người chê cũng vẫn bình-lĩnh thân-nhiên.

Khi các bậc ấy được người khen là anh-hùng cái-thế, Bồ-tát đáng sanh, mà chính tự xét lòng tham sân còn đầy thì vẫn lấy làm khổ mà lo tu-lĩnh. Khi bị người mắng rủa, nhưng xét tâm quả vì y chánh-lý, vì hạnh lợi-tha mà làm thì vẫn thân-nhiên.

Biết đối với sự khen chê giữa thế-gian như thế, thời lời khen của đời đối với họ, chỉ như ngọn gió từ đông thổi sang tây ; và lời chê như ngọn gió từ tây thổi qua đông ! tâm các ngài ấy lúc bấy giờ thiết là trống-trải rộng lớn bất-động.

Lúc bấy giờ mới thiết thoát hẳn ảnh-hưởng của khen chê, mới thiết tự-tại và vì thế mới có thể tùy-tiện dùng lời khen chê giúp-ích cho những kẻ còn bị lời khen chê chi phối.

Thanh-niên chúng ta còn bị lời khen chê chi phối nhiều chúng ta phải chỉ lắng tai nghe lời Phật, chớ đừng rong ruổi theo các lời khen chê giữa đời mà hóa ngờ-ngẩn như Cự giả bán lừa, và rốt cuộc sẽ liêu-lĩnh và bi-quan như Cự.

Song trong việc sửa mình, nếu chúng ta có khuyết-điểm về đạo-đức, được người chỉ-trích, thì chúng ta phải thâm cảm ơn người và赶紧 sửa đổi. Ngày xưa, Vua Thuấn là vị thanh-nhơn, mà lúc được người chỉ-trích đúng lý, ngài rất vui mừng bái tạ. Một vị Hiền quân như thế, làm sao không đáng làm gương cho đời !

Đã hiểu rõ tâm-lý của lời khen chê, đã hiểu rõ ảnh-hưởng của lời khen chê, đã nhận được sự tương-quan mật-thiết giữa đời làm cho chúng ta rất dễ bị ảnh-hưởng, vậy ta phải hết lòng tin Phật, nghe Phật : vì còn mê-mờ như chúng ta, nếu ta không tự nhận ảnh-hưởng của chư Phật, thì nhất-định chúng ta sẽ chịu ảnh-hưởng của Ngạ-quỷ, súc sanh, a-tu-la, nhơn, thiên không sao thoát được ».

HƯỚNG-TRAI

## **Cặp mắt của Thái-Tử Câu-Na-La**

(dịch thuật theo Maurice Boucher)

**I**

Thủa xưa ở Ấn - độ có một ông vua tên là A-Dục trị dân rất công bình. Hồi còn trẻ, tính ngài hay giận-dữ, nhưng dần dần ngài trở nên hiền-từ dịu-dàng. Nhờ gương sáng của ngài và nhờ những huấn-dụ ban ra, ngài dạy cho dân tình nhã-nhận đối với mọi người và lòng bác-ái với kẻ khổ sở. Ngài lập bệnh-viện, để chữa người bị bệnh, lập công-viện, để người và vật có chỗ nghỉ-ngoi, sai đào giếng để khách bộ hành cùng thú-vật khỏi bị khát nước, sai giồng cây ăn quả và cây làm thuốc hai bên đường.

Người con đầu của vua có cặp mắt đẹp và hiền-từ như mắt con chim « Câu-na-la », vì thế người ta gọi chàng là « Câu-na-la ». Đức vua rất đổi yêu-mến Hoàng-hậu Liên-Hoa là mẹ của Thái-tử. Hoàng hậu mất sớm. Trong khi hấp-hối, Ngài nói với vua rằng : « Tàu Bệ-hạ, sau khi tôi mất sẽ có một hoàng-hậu khác kế chân ; người ấy sẽ có con, và vì thế tất không yêu Câu-na-la nữa. Xin Bệ-hạ hứa sẽ thương yêu đứa con tôi và săn-sóc đến nó luôn ».

Hoàng-hậu không nói lộ ra hết ý, nhưng vua nhìn sắc mặt bà đoán biết hết, bèn trả lời rằng :

Tôi thề với khanh rằng Câu-na-la sẽ mãi mãi là người thân-yêu nhất của tôi và hơn nữa, chỉ có nó là được nối ngôi tôi ».

Được nghe mấy nhời đó, Liên-Hoa Hoàng-hậu từ trần rất êm dềm.

Thái-tử thực đang được vua cha yêu-dấu và tin-dùng. Lòng bác-ái, tính dịu-dàng và khiêm-nhường của ngài làm nhân dân rất yêu-mến và kính trọng. Vợ ngài rất dịu-dàng yêu-diệu, bao giờ cũng làm vừa lòng ngài. Tên nàng là Ma-da-Vi

Hoàng-hậu mất, vua A-Dục lấy một người vợ kiều-cảng độc-ác, tên là Xích-Đi. Sau khi nàng sinh được một con, nàng ước-ao nó được nối ngôi thay chân Câu-na-la, và tuy không đề lộ ra một cử-chỉ gì, nàng trong lòng rất ghét người con ghẻ.

Nhân khi vua mắc bệnh nặng, các thầy thuốc đành chịu bó tay, nàng Xích-Đi tìm cách chữa khỏi. Bằng cách gì không ai rõ, cô người nói nhờ thuốc, có người nói nhờ phép thuật bí-mật. Vua ngổ ý muốn tạ ơn nàng. Nàng xin vua cho con nàng được nối ngôi. Thật éo-le cho vua A-dục ! Ngai lấy làm buồn-rầu vì không chiều lòng ân-nhân được, và ngài nhắc lại lời hứa với chánh-hậu lúc lâm-chung. Ngài nói : « Ta có thể bỏ ngôi-báu đi chứ không hề phụ lời thề được ».

Thấy chuyện không thành, Xích-Đi xin vua được cầm quyền-chánh một ngày mà nàng sẽ định sau. Vua nghe lời : Ngày ấy không xa, và nàng sẽ nhân dịp ấy mà làm những việc ghê-gớm.

...

Trong nước có một thành gọi là Đắc-Xô-thi-la nổi lên chống với các quan cai-trị của nhà vua. Chính Hoàng-hậu Xích-Đi cũng dính vào việc ấy : Thật thế, trước nàng cho các quan tiền rồi bảo lấy thuế dân thành ấy thật nặng, sau lại xui dân nổi lên làm loạn. Hoàng hậu lại sai người xui dân nên yêu-cầu vua cho Thái-tử Câu-na-la ra cai-trị thành ấy, lấy cớ rằng chỉ có ngài công-bằng thì mới dẹp loạn được.

Sáng hôm các đại-biểu thành Đắc-xô-thi-la đến đề yêu cầu việc ấy, Xích-Đi tâu xin vua cho được tự tiện dùng ấn ngà của ngài, là cái ấn dùng đề niêm-phong những sứ-mệnh gởi đi. Thế tức là nàng được nắm quyền-chính trong ngày ấy.

Rồi các đại-biểu đến. Hoàng-hậu tán thành lời yêu-cầu họ, tâu vua rằng chỉ Hoàng tử được dân khâm-phục và vì thế đưa dân đến chỗ bình-an mà không có cuộc bạo-động gì. Vua nghe lấy làm bối-rối, vì ngài nghi Hoàng-hậu có manh-tâm gì chẳng.

loạn. Thấy vua lo âu, Hoàng-hậu giả vờ đau-dớn nói rằng nếu nhà vua còn nghi-ngờ lòng nàng thì từ rày nàng không nói gì nữa. Rồi nàng lại giả bộ giận-dỗi, trả ấn cho vua, vì nàng biết chắc vua chẳng nỡ nào thu lại. Thật thế, vua A-Dục vì trọng lời hứa không dám lấy lại ấn. Vả lại chính Thái-tử cũng một mực xin đi, ngài bèn cho đi. Nhưng muốn chắc-chắn, ngài định cho một đội quân đi hộ-thần Hoàng-tử. Hoàng-tử từ chối việc ấy. Vì ngài nghĩ « muốn tránh sự đổ máu thì phải hành động rất mau, mà đi với đạo quân thì mất nhiều thì-giờ lắm. » Ngài lại nói rằng : « nào phải thấy gươm giáo như rừng, nghe tiếng ngựa hí, tiếng voi gầm, tiếng xe, tiếng trống, tiếng kèn mà yên tâm yên tĩnh hay sao ? »

Vua không nói gì nữa. Thái-tử từ-giã ngài, từ-giã nàng Ma đa-vi, rồi một mình cưỡi con ngựa Mãng-đa-la phi đi mau như gió. Chẳng có ngờ đâu, theo sau chàng có một người kỵ-mã đương phóng nước đại. Đó là một người rất trung-thành với Hoàng-hậu, hiện nay chàng đương mang trong mình một cái sứ-mệnh có niềm ân vua kỹ-lưỡng.

## II

Thái-tử cưỡi bạch-mã đi mau như bay. Hai bên đường, làng mạc, núi đồi, đồng-lúa cùng là rừng xanh như thụt lùi lại. Nhưng cái tin chàng đến còn nhanh hơn. - vì dân gian mong chàng đến lắm. Họ sửa-soạn ra đón tiếp chàng. Kẻ thì rắc hoa xuống đường, kẻ thì hái quả đề tiến ; đầu đầu cũng nổi dậy tiếng hoan-hô. Nhân-dân xin Thái-tử tha tội cho, vì chúng không dám nổi lên chống vua, mà chỉ vì tức bực tham-quan ô-lại. Nghe tiếng kêu van, ngài lấy làm thương hại, tha lỗi cho cả và ngài đi vào thành giữa tiếng nhạc vang lừng.

Thái-tử đặt lại thuê mã, chọn người công-binh ra trị dân, dân lấy làm mừng-rỡ và phái đại-biêu về tâu vua tỏ bụng trung-thành và ca-tụng Thái-tử đã đưa lại cho chúng sự yên-ôn.

Thành Đắc-xô-thi-la đương vui-vầy thì bỗng chiều người

trong thành một cái DỤ. Mỡ ra xem, ai nấy đều sững-sốt sợ-hãi vì đạo DỤ ra lệnh phải « óc mắt Thái-tử Câu-na-la là kẻ thù lợi-hại của nhà vua và là kẻ làm nhơ-nhuốc nói-giống ». Đạo DỤ lại nói rằng khi đã làm hình phạt ấy rồi, không tên dân nào được cứu-giúp Thái-tử và cấm không được nói đến tên ngài nữa.

Các viên chức thành phố không dám cho Hoàng-tử biết đạo DỤ vô nhân-đạo ấy. Sau một đêm lo-ngại, họ nói với nhau : « Nếu ta không tuân lệnh thì có can gì không ? Đến hoàng-tử là người có lòng tốt đối với tất cả thiên hạ mà nhà vua còn bắt tội nữa là chúng ta ? ».

Ngày mai, họ dâng đạo DỤ lên cho hoàng-tử. Đọc xong ngài nói : « Đây chính thực là lệnh của nhà vua vì có niêm-ấn rõ ràng. Các người cứ thi-hành theo lệnh ấy ».

Ngài cũng biết rằng vua cha chẳng bao-giờ nỡ ra lệnh hành-hình con nhưng đó chỉ là do Hoàng-bậu, mặc dầu, nếu đã có niêm ấn thì ngài phải tuân theo.

Dân gian được tin rằng sẽ thi-hành lệnh chỉ giữa một khoảnh đất rộng, giữa thành-phố. Đến giờ, đạo-phủ được lệnh móc mắt của Thái-tử nhưng bọn này cung kính chấp tay lại rồi đồng thanh kêu lên : « Bọn chúng tôi không ai đủ can-dám làm việc ấy ».

Thái-tử tháo chuỗi ngọc mang trên đầu đưa cho đạo-phủ mà nói rằng : « Đây là tiền thưởng cho các người để làm tròn phận-sự ».

Chúng vẫn một mực từ chối. Sau cùng, có một người hình-thù quái gở, bộ mặt ghê-gớm đến xin thay chân bọn đạo-phủ. Nhưng anh này cũng không có gan dùng tay móc mắt. Anh ta nổi đồng lửa lớn, mang một thanh sắt đỏ lên rồi lại gần Thái-tử. — Lúc bấy giờ vẫn ngồi yên bình-tĩnh như ông Bụt để đốt cặp mắt. Cảnh-tượng bấy giờ thực đau-dớn đến nỗi hàng nghìn người xung-quanh đều rơi nước mắt.

Hành hình xong, Thái-tử một tay chống trên người kia, một tay giơ lên ra hiệu bảo người chung-quanh

yên lặng. Ai nấy im bất, Thái-tử khuyên dân phải xa ngài ra, không được cứu-giúp ngài và kêu tên ngài, y như trong đạo lệnh-chỉ. Họ cúi đầu xuống vừa đi vừa khóc, trong lúc ấy Thái-tử gần mê đi, nằm phục xuống đất. Nghe nằng giọng nóng, ngài có lẽ đi đến một chỗ có bóng mát để nghỉ.

Đã từ lâu, chung-quanh ngài yên tĩnh, không một tiếng động; bỗng ngài nghe tiếng chân ngựa giẫm gần đầu, rồi kêu lên những tiếng thăm-thiết, Nhận ra là con ngựa Mãng-đa-la, ngài nói: « còn mày nữa, mày cũng nên bỏ thầy mày đi, đi đâu thì đi ».

Con ngựa quanh-quẩn vài lần rồi đi xa ; ra khỏi thành phố, nó một mình lủi-thủi giở lại con đường mà nó đã vui-vẻ đưa Thái-tử đi.

Mặt trời lặn. Một vài người đồng lòng muốn giúp ngài. Song đã có lệnh cấm, họ đành đứng xa, nhìn nhau lắc đầu. Sau mãi, một bà lão già nghèo đi lại gần ngài, lấy nước lã rửa chỗ đau cho ngài và lấy cỏ băng lại. Bà đỡ ngài dậy, dìu ra khỏi cổng làng rồi đành thở dài trở về.

### III

Trong lúc Thái-tử đương đau-đớn như thế thì đại-biêu thành Đắc-xô-thi-la được vua A-Dục tiếp đãi ân-cần. Thấy nói Thái-tử được nhân-dân tung-hô hoan-hỉ, lòng nàng Ma-da-vic cũng bớt lo-sợ, vì thật ra, nghe chồng phải đi dẹp loạn, nàng vẫn áy-náy trong lòng.

Mấy ngày sau, sốt ruột, nàng đi đến bụi cây là chỗ nàng từ-biệt chồng. Qua ngày thứ ba, nàng bỗng thấy con ngựa Mãng-đa-la giở về một mình, chứ người chẳng thấy. Một tư-tướng ghé góm thoáng qua óc nàng ; rồi như cây gỗ bị đẵn gốc, nàng ngã xuống đất, bất-lĩnh nhân-sự.

Tỉnh dậy, nàng tự nghĩ rằng chồng nàng có lẽ bị dân nổi lên giết. « Sao ta lại không tin rằng chồng ta còn

sống ? Nếu chưa được tin gì chắc-chắn, sao bằng đi tìm chồng ? » Nghĩ thế rồi, nàng không hề mất một phút, trở về cung, trút bỏ các đồ trang hoàng, ăn vận giản-dị như một người thường dân rồi trốn đi tìm chồng, không báo cho vua biết, sợ vua vì thương mà cầm lại chăng.

Nàng lủi-thủi đi về phía thành Đắc-xô-thi-la, ruột đau như cắt. Dọc đường, nàng gặp ai cũng hỏi xem có thấy thái-tử đâu không. — Đi ngày này sang ngày khác, chẳng được tin gì cả.

Một buổi sáng, vừa ra khỏi chỗ trú đêm, liền gặp một người nông-phu đang gieo mạ. Người ấy nói : lúc rạng đông, nhân đi qua một cánh rừng nhỏ, thấy một người trẻ tuổi mù, mặc áo đồ ra dáng ông hoàng, người nông-phu liền cho người ấy mấy quả cây hái trong rừng và một chén nước lã.

Nàng Ma-đa-Vi liền đến chỗ ấy. Thì nàng thấy Cầu-na-la một mình ngồi trên viên đá. Nhưng đau-dớn thay, cặp mắt chàng nhớn - tuyến đã tắt hẳn : nàng khóc nức lên, va quỳ xuống trước chàng, nghẹn-ngào. Nàng cầm lấy tay chàng hôn-nghe nước mắt nhỏ xuống tay, thái-tử thấy rung-động tận đáy hồn, đoán là nàng Ma-đa-Vi. Nhưng chàng chưa dám tin. Đến khi nghe rõ tiếng nàng thì chàng không nghi-ngờ gì nữa. Chàng bảo nàng ngồi xuống : trong lúc đương đau-khổ ấy được gặp người thân-yêu nỗi vui mừng khôn xiết.

Thái-Tử thuật lại cho vợ những chuyện xảy ra. Rồi đó nàng vực chàng đứng dậy, vừa năn-niu chàng cùng về ra mắt vua cha.

#### IV

Về phần vua A-Dục từ khi được tin con ngựa Mãng-da-la về một mình và nàng Ma-đa-Vi đi trốn, Ngài rất lo ngại. Tức khắc sai sứ ra thành Đắc-xô-thi-la để hỏi tên Thái-tử rồi lại ra lệnh tìm nàng Ma-Đa-Vi.

Nhân-dân trong thành thấy vua lo ngại cho Thái-tử

thì liền hiểu rằng họ bị cái DỤ đầu tiên lừa. Sợ bị nghiêm phạt, họ bèn tìm cách lừa sứ-giã rằng Thái-tử đã một mình về Triều. Dân chung quanh không dám hé răng vì chúng biết rằng nói ra sẽ bị trừng phạt. Sứ-giã nghi dân đã giết Thái-tử nhưng không được chứng cứ gì đành trở về.

Trong khi ấy, hai vợ chồng Thái-tử cùng dắt nhau về kinh. Thái-tử bây giờ đã trút bộ áo ông Hoàng mà khoác đồ rách rưới vì trong tình cảnh ấy, đồ trang-sức chỉ làm thêm đau lòng. Đi qua làng mạc, hai vợ chồng cất tiếng hát trong trẻo dịu dàng : dân làng động lòng đưa cho đồ để ăn uống.

Một ngày kia, hai người đi đến trước cung điện nhà vua. Linh canh cửa thấy người lam-lũ nên không cho vào. Nhưng thấy tình cảnh thương hại, áo rách quần ô-màu lầy bụi bặm, - nên cho vào trú trong chỗ chứa xe. Mỗi một, hai người ngủ thiếp.

Ngày mai, Vua A Dục đương buồn rầu nghĩ đến con bỗng Ngại giắt mình vì nghe tiếng hát quen tai, đó là tiếng Thái-tử hát trong nhà chứa xe. Vua nhận ra là tiếng con, nhưng còn sợ lắm; rất cảm động, Ngại sai ra hỏi xem ai hát thế. Cận-thần tâu rằng đó là tiếng hát của người ăn mày mù, đi với một người vợ. Vua càng bối-rối lo sợ, liền sai dẫn cặp vợ-chồng kia đến sân rồng. Thoạt đầu, thấy người ăn mặc rách-rưới. Vua còn nghi-n ở chưa dám nhận là con, nhưng bộ mặt hiền từ trung hậu kia thật là của Thái-tử còn làm sao được. Hơn nữa, Nàng Ma Đa-Vi dấu áo đồ thô-kệch, cũng còn dễ nhận. Vua đưa mắt nhìn con, nhìn dâu rồi vua ôm choàng lấy cả hai mà khóc nức-nở.

Một hồi lâu, vua mới định thần lại, hỏi Thái-tử vì sao mắc nạn. Khi hiểu nguyên do, mặt rồng nổi giận, phán rằng : « Đứa nào đã dám dùng ấn của Trẫm để làm việc tày trời kia ? » Thái-tử vẫn ngồi im, vì chàng không muốn nói ra, sợ Hoàng-hậu bị nghiêm-phạt. Hồi mãi,

nàng Ma-Đa-Vi mới nhắc lại cho vua hay rằng Hoàng-hậu Xích-Đi có được phép dùng ấn riêng của vua trong một ngày. Đã nhiều lần, vua nghi Hoàng-hậu có bụng ác đối với Thái-tử. Vì Ngài nghĩ rằng Hoàng-hậu muốn cho con mình nối ngôi tất là muốn trừ Câu-na-La, ngài không muốn tin thuyết ấy. Nhưng bây giờ sự đã rõ ràng, Ngài liền truyền lệnh vời Hoàng-hậu đến.

Về phần Hoàng-hậu từ khi thi-hành được thủ-đoạn bỗng mất ăn, mất ngủ, hề chớp mắt là thấy hiện ra trước mắt cảnh Thái-tử bị hành hình. Thế rồi vừa tỉnh dậy vừa la. Nàng lo rằng tội nàng sẽ có ngày tiết lộ. Nàng tưởng-tượng rằng từ vua chỉ dân, linh-tráng, quan-lại ; ai cũng nhìn thấu tâm can mình, và nàng càng thêm khắc khoải lo sợ.

Khi có lệnh đòi, nàng đoán biết là việc bại-lộ, nên tiến đến sân rồng như một phạm-nhân lên đoạn-đầu-đai. Lúc thấy tất cả nỗi ác nghiệt của mình, nàng hối hận, nhưng không nói ra tiếng nữa, chỉ cúi gằm mặt xuống, đợi lời tuyên án. Thái-độ ấy rõ ràng hơn lời thú-tội. Vua A-Dục nổi giận mắng lớn và truyền rằng trước khi đưa Hoàng-hậu ra chém còn bắt chịu nhiều cực-hình đau đớn đã. Thái-tử tấu xin vua mở lượng từ-bi giảm tội cho nàng. Nhưng vua vẫn không nghe ; Thái-tử bèn quỳ xuống nói rằng :

« Tâu lạy Phụ-vương, nào phải Hoàng-hậu một mình phạm tội đầu ! Đó chỉ vì kiếp trước con có làm nhiều tội ác, nên nay bị nghiệp ác báo thôi. Đã từ lâu, con cố nhớ lại xem kiếp trước đã tạo nên tội ác gì nhưng mãi đến tối hôm qua, con mới nhớ rõ... »

Vua ngắt lời : « Như con thì còn có tội tình gì : con là người tốt nhất trên đời ! »

Thái-tử cảm động đáp : « Muốn tâu, một người hiền lương cũng chưa hẳn là vô-tội. Vì nếu kiếp này ăn ở hiền lành, nhưng kiếp trước bạc ác thì cứ phải chịu nghiệp báo. Tâu Phụ-vương, thừa xửa, có một người đi

sẵn, một hôm thấy năm chục con dê rừng trong hang núi, liền dùng lưới bắt hết. Anh nghĩ rằng : « nếu ta giết cả đi thì tiêu-thụ thế nào hết được nhờ nó chết lần thì hoài của, chi bằng ta móc mắt chúng đi, chúng không trốn được, ta sẽ lần lượt đưa từng con tới tỉnh mà bán. » Nghĩ thế rồi anh không ngần-ngại, đưa tay móc mắt chúng đi thả vào hang núi để bán dần dần. Muôn tâu, người đi săn ấy là tiền kiếp của con. Người đi săn ấy đã làm khổ năm mươi chúng sanh, ngày nay chính là ngày người ấy trả nợ vậy.

Vậy thì nếu con phải chịu đau-đớn là tự con, xin Phụ-vương đừng bắt tội Hoàng-hậu.

Vua nghe lấy làm cảm động, nhưng còn phân-vân chưa tin thì Thái-tử bỗng ngồi ngay ngắn lại, chấp tay trước ngực mà nói rằng : « nếu lời tôi nói đúng sự thực thì xin Trời, Phật chứng minh cho và cho mắt tôi sáng lại ».

Lời nói vừa dứt, mắt Thái tử bỗng sáng như thường, vua A-Dục cùng nàng Ma-Đa-Vi xiết bao vui-mừng.

Vua dẹp giận, ra lệnh ân-xá cho nàng Xích-Di, chỉ buộc nàng phải tìm một chỗ yên-tĩnh để sám-hối tội lỗi. Vua từ đây ngôi báu vững vàng, còn Thái-tử được chính-thức phong Đông-Cung để nối ngôi sau này, nàng Ma-Đa-Vi sẽ là Hoàng-hậu.

### LÊ-HỮU-HOÀI

*Trong Đoàn Phật-học Đức-Dục*

# PRATIQUE DE LA MÉDITATION

(Suite)

Construisez l'image de vous-même.

Dehors.

Ayant des pensées paisibles. Ayant des paroles paisibles.

Ayant des actions paisibles.

Chez vous.

Ayant des pensées paisibles. Ayant des paroles paisibles.

Ayant des actions paisibles.

Arrêtez la pensée. Observez la respiration.

(15 secondes).

Pensez Paix. (15 secondes entre chaque phrase).

Je suis pénétré de paix. Saturé de Paix.

Absorbé dans la Paix. Paix à tous les êtres.

Paix entre tous les êtres. Paix rayonnant de tous les  
êtres.

Je suis la Paix. Entouré de Paix.

En sûreté dans la Paix. La Paix m'abrite.

La Paix me soutient. La Paix est en moi.

Cette Paix est mienne. Tout est bien.

Respiration normale: (30 secondes).

J'aspire brièvement (comptant vite).

1, 2, 3, 4, 5,

J'expire brièvement (10 fois)

1, 2, 3, 4, 5, -

J'aspire longuement (comptant lentement).

1, 2, 3, 4, 5,

J'expire longuement (10 fois)

1, 2, 3, 4, 5,

Ouvrez les yeux. Ti Sarana.

## CHAPITRE X.

# Les quatre illimitables

(Les quatre sentiments infinis)

METTA. Amour, bienveillance universelle.

KARUNA Compassion.

MUDITA. Sympathie joyeuse avec le bonheur d'autrui.

UPEKHA Sérénité.

METTA.

La méditation sur la bienveillance (ou amour universel) qui fait partie des quatre Brahmavihara ou apamanna, est considérée comme essentielle.

Les trois autres sont également utiles pour nous, elles sont :

2. — La méditation sur Karuna. La compassion, ou pitié, pour toute souffrance.

3. — La méditation sur Mudita. La sympathie pour la joie, ou le bonheur des autres.

4. — La méditation sur Upekha la sérénité ou équilibre, indifférente à la joie et à la tristesse.

Pour méditer sur l'amour dans le sens de la bienveillance universelle, on emploie différentes formules. La courte formule nous-permet de réaliser quelques minutes de méditation tous les jours.

Cette formule de Metta est employée aussi au début de plusieurs longues méditations, telle que la méditation sur le va-et-vient du souffle, pour "libérer le cœur", dit-on, des entraves des sentiments égoïstes. En la méditant, toute pensée d'hostilité, ou de malveillance est éloi-

guée de nous. On désire le bonheur d'autrui, se rendant compte que tout être aspire au bonheur, on commence en s'envoyant à soi-même des pensées de bienveillance et un souhait de bonheur, car on ne doit pas faire de distinctions entre soi-même et autrui, de plus, on ne peut irradier le bonheur et la bienveillance si on ne les possède pas.

### METTA SUTTA.

Voici ce que j'ai entendu dire :

Une fois Bhagavat résidait à Stavasti à Jetavana dans le parc d'Amathapin dika. Là donc Bhagavat interpelle les Bhikkus :

"Bhikkūs", dit-il "Vénérable", dirent les Bhikkus en réponse à l'appel de Bhagavat.

Bhagavat parla ainsi :

"Bhikkus, quand l'esprit étant parfaitement délivré, on pratique l'amour, on le développe, on le multiplie, on s'en fait (comme) un char, on le prend pour base, on s'y applique avec énergie, on l'accumule, on s'y donne résolument. Il est onze avantages auxquels on peut aspirer.

Quels sont ces onze ?

1. — D'éprouver le bien-être dans le sommeil.
2. — Le bien-être dans la veille.
3. — De ne pas faire de mauvais rêves
4. — D'être cher aux hommes.
5. — Cher aux êtres humains.
6. -- D'être protégé par les dieux.
7. — De n'être blessé ni par le feu, ni par le poison, ni par les armes.

8. — D'avoir un esprit qui peut s'élever promptement à la contemplation.

9. — D'avoir les couleurs du visage parfaitement reposées.

10. — D'arriver à la mort sans trouble.

11. — Enfin, si l'on n'atteint point le but suprême, d'arriver au moins au monde de Brahama.

“ Bhikkus, quand l'esprit s'étant parfaitement délivré, on cultive, agrandit, multiplie l'amour ; qu'on s'en fasse un char, qu'on l'accumule, qu'on s'y donne avec entrain, on recueille de cette conduite ces onze avantages”.

Voilà ce que dit Bhagavat ; les Bhikkus transportés louèrent hautement le discours de Bhagavat.

### **Courte formule Metta**

Il est bon de pratiquer les respirations longues et courtes dix fois (pour chaque catégorie) en expirant selon le plan exposé dans le chapitre précédent sur la Paix. Les salutations au Bouddha, Dharma et Sangha peuvent être récitées d'abord, mais si ces paroles ne sont pas comprises par des non-Bouddhistes, il n'est pas utile de les employer.

Lorsque les respirations sont redevenues normales, selon un rythme naturel pour le pratiquant, on doit mentalement se dire, dans un sentiment de bienveillance :

Puisse-je être heureux

Garder mon bonheur

Et vivre sans inimitié.

Puissent tous les êtres animés, grands ou petits,

Fortes ou faibles,

Près ou loin,

Visibles ou invisibles, vivre heureux.

Puissent-ils garder leur bonheur

Et vivre sans inimitié.

(à suivre).

# TIN TỨC



## PHAN-RANG

Theo lời công-bố của ông Tỉnh-hội Trưởng Phan-rang một số đồng hội-viên giàu lòng bác-ái quyền được số bạc 110\$70, trợ cấp cho gia-đình đạo-hữu La-Kiên thiệt hành hội-viên ở chi hội Dư-Khánh bị mất tích cả thuyền lẫn người trong khi làm nghề chài lưới ở biển khơi và đạo-hữu Lê-thị-Bồn tùy hỷ hội-viên Chi-hội Tri-Thủy bị hỏa hoạn tiêu hủy gia-tài sự-nghiệp trong lúc đi làm ăn vắng.

Nên đã được phân chia ra như sau này :

Gia-đình đạo-hữu La-Kiên . . . . . 65\$00

Đạo-hữu Lê-thị-Bồn . . . . . 45,70

và 16p80 của hội-viên chi hội Tri-Thủy tặng riêng đạo-hữu ấy cộng là 62p50 (45p70 + 16p80)

Lễ Đăn-Phật mừng 8 tháng tư năm nay (22-6-42) cử hành cũng như mọi năm, duy có cuộc thi kinh là đặc sắc hơn cả.

Mục-đích để hiểu biết trình-độ tu-tập của hàng hội-viên và ông Tỉnh-hội-Trưởng phát tâm công-đức phần thưởng cho, bạn Đồng-ấu, và 6 phần thưởng từ nhất đến thứ 6, cho những chi-hội khu vực nào đã được ban hội-đồng chấm thi công nhận là lão thông kinh-kệ.

# THƯ TÍN

Chúng tôi đã nhận được ngân-phieu bura-diện của quý ngài  
độc giả kể tên dưới đây :

|                      |                  |       |
|----------------------|------------------|-------|
| M M. Lê-thiên-Giang  | Nho-lâm Phanrang | 1p00  |
| - Lê công-Thành      | -                | 1,00  |
| - Hoàng hữu Thế      | Dran             | 1,50  |
| - Hoàng hữu Hữu      | -                | 1,50  |
| - Phan xuân Mô       | -                | 1,50  |
| - Nguyễn quang Tương | -                | 1,50  |
| - Cao hữu Lâm        | -                | 1,50  |
| - Vương văn Dậu      | -                | 1,50  |
| - Mai Chuẩn          | -                | 1,50  |
| - Đỗ hữu Ích         | -                | 1,50  |
| - Nguyễn Sướng       | -                | 1,50  |
| - Trần Tương         | -                | 1,50  |
| - Tấn Phiên          | Phanrang         | 1,50  |
| - Nguyễn thiên Khoa  | -                | 1,50  |
| - Nguyễn thiên Lăng  | Nhatrang         | 1,50  |
| - Nguyễn Thạnh       | Phanrang         | 52,50 |
| - Tỉnh hội Dalat     | Dalat            | 1,50  |
| - Đồng ầu Seerba     | An xuân Phanrang | 1,50  |
| - Nguyễn Thạnh       | Xóm động         | 1,50  |
| - Trần xuân Tích     | Tourcham         | 1,50  |
| - Nguyễn Bé          | -                | 1,50  |
| - Dương văn Nhiên    | -                | 1,50  |
| - Huỳnh Dư           | -                | 1,50  |
| - Nguyễn hữu Ích     | -                | 1,50  |
| - Lê xuân Mai        | -                | 1,50  |
| - Đinh khắc Mẫn      | -                | 1,50  |
| - Huỳnh Đặng         | -                | 1,50  |
| - Trình xuân Nhuận   | -                | 1,50  |
| - Lê tấn Hội         | -                | 1,50  |
| - Lê Trí             | -                | 1,50  |
| - Lê văn Hiến        | -                | 1,50  |
| Mme Nguyễn hữu Lợi   | -                | 1,50  |
| - Trần thị Ngân      | -                | 1,50  |
| - Nguyễn thị Kinh    | -                | 1,50  |
| - Nguyễn thị Đình    | -                | 1,50  |
| - Trương thị Ty      | -                | 3,00  |
| - Phan thị Hảo       | -                | 1,50  |
| - Trần thị Quạt      | -                | 1,50  |

(Còn nữa)